

Số: 71/TB-HVCB XD

Hà Nội, ngày 06 tháng 9 năm 2024

**THÔNG BÁO**  
**Kết quả lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản**

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/6/2017;*

*Căn cứ Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016;*

*Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật Đấu giá tài sản; Thông Tư số 108/2020/TT-BTC ngày 21/12/2020 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017;*

*Căn cứ Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;*

*Căn cứ Quyết định số 627/QĐ-BXD ngày 19/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng v/v Thanh lý, bán xe ô tô của Học viện Cán bộ quản lý xây dựng và đô thị;*

*Căn cứ Quyết định số 532/QĐ-BXD ngày 12/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc thanh lý, bán xe ô tô phục vụ công tác chung của Học viện Cán bộ quản lý xây dựng và đô thị;*

*Căn cứ Quyết định số 1368/QĐ-BXD ngày 30/12/20122 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Cán bộ quản lý xây dựng và đô thị.*

*Căn cứ Thông báo số 66/TB-HVCB XD ngày 22/8/2024 của Học viện Cán bộ quản lý xây dựng và đô thị về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;*

*Căn cứ Quyết định số 542/QĐ-HVCB XD ngày 06/9/2024 của Giám đốc Học viện Cán bộ quản lý xây dựng và đô thị về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản.*

Học viện Cán bộ quản lý xây dựng và đô thị (Học viện) thông báo về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản, với nội dung như sau:

**I. KẾT QUẢ LỰA CHỌN**

1. Tên, địa chỉ tổ chức đấu giá tài sản được lựa chọn:

- Tên tổ chức đấu giá tài sản được lựa chọn: Công ty đấu giá hợp danh số 5 – Quốc Gia;

- Mã số thuế: 0108648614

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản số 45/TP-ĐKHD do Sở Tư pháp Thành phố Hà Nội cấp (*Cấp lần đầu ngày 21/02/2019, cấp thay đổi lần thứ 03 ngày 15/4/2021*).

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 193 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Tp Hà Nội

- Số điện thoại: 0243.7622.620

- Mức thù lao dịch vụ đấu giá tài sản: 5,4 triệu đồng + 6% trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm (*Mức thù lao nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và chưa bao gồm chi phí đấu giá tài sản theo quy định tại khoản 2, Điều 66 – Luật Đấu giá tài sản*).

2. Tổng số điểm của tổ chức đấu giá tài sản được lựa chọn: 99,0/100 điểm

3. Tổ chức đấu giá tài sản bị từ chối xem xét, đánh giá hồ sơ kèm theo lý do từ chối (nếu có): Không có

## **II. KẾT QUẢ CHẤM ĐIỂM**

Tính đến hết ngày 30/8/2024, Học viện đã nhận được 04 hồ sơ đăng ký tham gia của các đơn vị sau đây:

(1). Công ty đấu giá hợp danh Khải Bảo;

(2). Công ty đấu giá hợp danh VNA;

(3). Công ty đấu giá hợp danh Bắc Trung Nam;

(4). Công ty đấu giá hợp danh số 05 – Quốc Gia.

Trên cơ sở hồ sơ tham gia của các đơn vị nêu trên, căn cứ theo tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản nêu tại mục 3 của Thông báo số 66/TB-HVCBXD ngày 22/8/2024, Hội đồng thanh lý các xe ô tô của Học viện đã tiến hành đánh giá, chấm điểm của từng hồ sơ tham gia. Kết quả chấm điểm đối với các tổ chức đấu giá tài sản được nêu tại phụ lục kèm theo.

*Trân trọng thông báo./.*

### **Nơi nhận:**

- Công TT điện tử Quốc gia về đấu giá TS;
- Website của Học viện;
- Tổ chức đấu giá được lựa chọn;
- Lưu VT, KHTC.

**GIÁM ĐỐC**

**(Đã ký)**

**TS. Trần Hữu Hà**

**PHỤ LỤC: KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT ĐỐI VỚI CÁC HỒ SƠ ĐĂNG KÝ THAM GIA**

Stt	Nội dung đánh giá	Mức điểm tối đa	Điểm đánh giá chi tiết đối với các hồ sơ đăng ký tham gia			
			Công ty đấu giá hợp danh Khải Bảo	Công ty đấu giá hợp danh VNA	Công ty đấu giá hợp danh Bắc Trung Nam	Công ty đấu giá hợp danh số 5 – Quốc Gia
I	<b>Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá</b>	<b>23,0</b>	<b>22,0</b>	<b>23,0</b>	<b>23,0</b>	<b>23,0</b>
1	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	11,0	11,0	11,0	11,0	11,0
1.1	<i>Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...)</i>	6,0	6,0	6,0	6,0	6,0
1.2	<i>Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện</i>	5,0	5,0	5,0	5,0	5,0
2	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0
2.1	<i>Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá</i>	4,0	4,0	4,0	4,0	4,0

2.2	<i>Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá</i>	4,0	4,0	4,0	4,0	4,0
3	Có trang thông tin điện tử đang hoạt động	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0
4	Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	1,0	-	1,0	1,0	1,0
5	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
<b>II</b>	<b>Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)</b>	<b>22,0</b>	<b>22,0</b>	<b>22,0</b>	<b>22,0</b>	<b>22,0</b>
1	Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan	4,0	4,0	4,0	4,0	4,0
2	Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận	4,0	4,0	4,0	4,0	4,0

	lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao					
3	Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, dìm giá	4,0	4,0	4,0	4,0	4,0
4	Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá	4,0	4,0	4,0	4,0	4,0
5	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá	3,0	4,0	4,0	4,0	4,0
6	Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá	3,0	3,0	3,0	3,0	3,0
<b>III</b>	<b>Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản</b>	<b>45,0</b>	<b>45,0</b>	<b>43,0</b>	<b>42,0</b>	<b>44,0</b>
1	Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ	6,0	6,0	5,0	5,0	5,0

	đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá ( <i>Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện; không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng</i> )					
1.1	<i>Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)</i>	2,0				
1.2	<i>Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng</i>	3,0				
1.3	<i>Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng</i>	4,0				
1.4	<i>Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng</i>	5,0		5,0	5,0	5,0
1.5	<i>Từ 30 hợp đồng trở lên</i>	6,0	6,0			
2	Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm ( <i>Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê</i>	18,0	18,0	18,0	16,0	18,0

	<i>tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện; không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng)</i>					
2.1	<i>Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)</i>	10,0				
2.2	<i>Từ 20%) đến dưới 40%</i>	12,0				
2.3	<i>Từ 40% đến dưới 70%</i>	14,0				
2.4	<i>Từ 70% đến dưới 100%</i>	16,0			16,0	
2.5	<i>Từ 100% trở lên</i>	18,0	18,0	18,0		18,0
3	<i>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực)</i>	5,0	5,0	5,0	5,0	5,0
3.1	<i>Dưới 03 năm</i>	3,0				
3.2	<i>Từ 03 năm đến dưới 05 năm</i>	4,0				
3.3	<i>Từ 05 năm trở lên</i>	5,0	5,0	5,0	5,0	5,0
4	<i>Số lượng đấu giá viên của tổ</i>	3,0	3,0	3,0	3,0	3,0

	chức đấu giá tài sản					
4.1	01 đấu giá viên	1,0				
4.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	2,0				
4.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	3,0	3,0	3,0	3,0	3,0
5	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản)	4,0	4,0	4,0	4,0	4,0
5.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	2,0				
5.2	Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	3,0				



5.3	<i>Từ 03 đầu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên</i>	4,0	4,0	4,0	4,0	4,0
6	Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng	5,0	5,0	4,0	5,0	5,0
6.1	<i>Dưới 50 triệu đồng</i>	2,0				
6.2	<i>Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng</i>	3,0				
6.3	<i>Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng</i>	4,0		4,0		
6.4	<i>Từ 200 triệu đồng trở lên</i>	5,0	5,0		5,0	5,0
7	Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động	3,0	3,0	3,0	3,0	3,0
7.1	<i>Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)</i>	2,0				
7.2	<i>Từ 03 nhân viên trở lên</i>	3,0	3,0	3,0	3,0	3,0
8	Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đầu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

	gia lựa chọn					
<b>IV</b>	<b>Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp</b>	<b>5,0</b>	<b>5,0</b>	<b>5,0</b>	<b>5,0</b>	<b>5,0</b>
1	Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính	3,0				
2	Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá <i>(không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)</i>	4,0				
3	Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá <i>(không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)</i>	5,0	5,0	5,0	5,0	5,0
<b>V</b>	<b>Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định</b>	<b>5,0</b>	<b>3,0</b>	<b>5,0</b>	<b>5,0</b>	<b>5,0</b>

1	Trong vòng 03 năm gần đây (tính từ ngày 01/7/2021 đến thời điểm hiện tại) đã tổ chức đấu giá thành công đối với loại tài sản là xe ô tô của các cơ quan, đơn vị nêu tại khoản 1, 2, 3, 4 và 5 - Điều 2 - Luật Quản lý sử dụng tài sản công năm 2017.	3,0	2,0	2,0	2,0	2,0
1.1	Từ 02 hợp đồng trở xuống (bao gồm cả trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)	1,0				
1.2	Từ 03 hợp đồng trở lên	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0
2	Trong vòng 03 năm gần đây (tính từ ngày 01/7/2021 đến thời điểm hiện tại) đã tổ chức đấu giá thành công bằng hình thức đấu giá trực tuyến đối với các tài sản công trong các cơ quan, đơn vị nêu tại khoản 1, 2, 3, 4 và 5 - Điều 2 - Luật Quản lý sử dụng tài sản công năm 2017.	3,0	1,0	3,0	3,0	3,0
2.1	Từ 01 hợp đồng trở xuống (bao gồm cả trường hợp không thực hiện hợp đồng)	1,0	1,0			

	nào)					
2.2	Từ 02 đến 03 hợp đồng	2,0				
2.3	Từ 04 hợp đồng trở lên	3,0		3,0	3,0	3,0
<b>Tổng số điểm</b>		<b>100</b>	<b>97,0</b>	<b>98,0</b>	<b>97,0</b>	<b>99,0</b>
<b>VI</b>	<b>Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</b>					
1	Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện	Đủ điều kiện	Đủ điều kiện	Đủ điều kiện	Đủ điều kiện
2	Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện	-	-	-	-

